

Số: /SYT-NV

Bình Phước, ngày tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO THAM LUẬN
Chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh
công lập trên địa bàn tỉnh

Sở Y tế được phân công báo cáo tham luận về Chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Dịch vụ y tế bao gồm các hoạt động được thực hiện bởi nhân viên y tế như khám, chữa bệnh phục vụ bệnh nhân và gia đình người bệnh; bao gồm nhiều yếu tố như chất lượng khám của thầy thuốc, chất lượng xét nghiệm, chất lượng chẩn đoán hình ảnh, chất lượng can thiệp điều trị (đơn thuốc hoặc phẫu thuật, trị liệu...); thái độ của nhân viên y tế trong quá trình giao tiếp và chăm sóc người bệnh.

Trong năm qua, công tác khám chữa bệnh, tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập được quan tâm chỉ đạo bởi lãnh đạo Tỉnh ủy, UBND tỉnh, sự hỗ trợ của các ban ngành liên quan nên có nhiều tiến bộ, cụ thể:

I. THỰC TRẠNG CHẤT LƯỢNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

1. Tổng quan, nguồn lực (nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị) tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập

Bình Phước là tỉnh miền núi, biên giới có diện tích 6.876,76 km². Dân số trung bình 974.353 người. Đơn vị hành chính của tỉnh có 11 huyện/thị và 111 xã/phường/thị trấn với 864 thôn, ấp. Chiều dài biên giới 260,4 km (03 huyện và 15 xã giáp biên giới Campuchia).

a. Tổ chức bộ máy khám chữa bệnh công lập bao gồm:

- Tuyến tỉnh: BVĐK tỉnh, BV YHCT tỉnh

- Tuyến huyện: 10/11 Trung tâm Y tế huyện, thị xã, thành phố (Trung tâm Y tế huyện Phú Riềng chỉ thực hiện chức năng dự phòng).

- Tuyến xã: 80/111 Trạm y tế xã/phường/thị trấn (31 Trạm y tế chỉ thực hiện một chức năng dự phòng không còn thực hiện công tác khám chữa bệnh).

b. Một số chỉ tiêu y tế dự kiến đạt năm 2020 như sau:

Tổng số giường bệnh toàn ngành: 2.635 giường. Trong đó, giường tuyến tỉnh 750 giường, tuyến huyện/thị 1.330 giường; giường Trạm y tế xã, phường, thị trấn 555.

- Số giường bệnh trên vạn dân đạt 28,5 giường.
- Số bác sỹ trên vạn dân đạt 8,5 bác sỹ.
- Tỷ lệ Trạm Y tế xã có bác sỹ đạt 84%.
- Tỷ lệ dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 90%.

c) Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân theo huyện:

Tuy số bác sỹ có tăng về số lượng nhưng phân bố chưa đều giữa các huyện thị, thành phố. Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân theo huyện tại Phụ lục 1.

2. Tình hình khám, chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập

a) Danh mục kỹ thuật tại cơ sở khám chữa bệnh công lập

- Thực hiện Thông tư 43/2013/TT – BHYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; TT 21/2015/TT – BHYT bổ sung Thông tư 43/2013/TT – BHYT. Phòng Nghiệp vụ đã tham mưu lãnh đạo Sở Y tế thành lập Hội đồng thẩm định và phê duyệt Danh mục kỹ thuật Danh mục kỹ thuật cơ sở khám bệnh chữa bệnh. Các cơ sở thường xuyên bổ sung Danh mục kỹ thuật mới đề xuất Sở Y tế thẩm định và phê duyệt. Số lượng kỹ thuật của các cơ sở y tế được cập nhật tại Phụ lục 2.

Số lượng các dịch vụ thực hiện theo phân tuyến kỹ thuật của Trung tâm y tế huyện, Trạm Y tế xã ngày càng tăng, một số đơn vị đã thực hiện được một số kỹ thuật của tuyến trên; trên 70% người có thẻ BHYT đăng ký khám chữa bệnh ban đầu tại y tế cơ sở. Gần 90% Trạm Y tế xã thực hiện khám chữa bệnh BHYT. Số lượt khám, chữa bệnh BHYT tại y tế cơ sở chiếm khoảng 70%. Tỷ lệ sử dụng thẻ BHYT ngày một tăng cao.

b) Các nội dung đã triển khai về Chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh công lập:

- Thực hiện công tác đào tạo cán bộ theo địa chỉ để tăng số lượng nguồn lực bác sỹ. Cử cán bộ bác sỹ đào tạo nâng cao đến nay toàn ngành từ chỗ không có Tiến sỹ bác sỹ nào, nay đã có Tiến sỹ bác sỹ, nhiều bác sỹ Chuyên khoa I, Chuyên khoa II trên địa bàn.

- Cải tạo và nâng cấp mở rộng cơ sở hạ tầng trang thiết bị theo hướng đồng bộ và hiện đại: đến nay toàn bộ các bệnh viện thuộc các Trung tâm Y tế có giường bệnh đều đã được xây mới, khang trang, cơ sở bảo đảm tiêu chí xanh, sạch đẹp của Bộ Y tế. Bệnh viện đa khoa tỉnh cũng được xây thêm cơ sở mới chuẩn bị đưa vào hoạt động. Các cơ sở đều đảm bảo mỗi bệnh nhân một giường bệnh, không phải nằm ghép.

- Thực hiện Đề án 1816 của Bộ Y tế tiếp nhận đào tạo và chuyển giao kỹ thuật từ các bệnh viện tuyến Trung ương như BV Chợ Rẫy, BV Phụ sản Từ Dũ, Bệnh viện Nhi đồng Tp HCM, BV Chấn thương chỉnh hình, cử cán bộ chuyên

giao kỹ thuật từ Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước về các huyện vùng sâu, vùng xa. Nhờ đó nhiều đơn vị đã được chuyển giao kỹ thuật giúp giảm được tình trạng quá tải bệnh viện tuyến trên.

- Niêm yết công khai bảng giá khám chữa bệnh, quy trình khám chữa bệnh tại các khu vực đông người khám. Triển khai đồng loạt hệ thống biển, bảng chỉ dẫn và bố trí người chuyên trách hướng dẫn cho bệnh nhân từ nơi tiếp đón đầu tiên. Tư vấn hướng dẫn quy trình KCB, tư vấn giải thích nội quy, quy chế BV, luật BHYT. Tư vấn sử dụng các dịch vụ y tế tại BV.

- Ứng dụng các giải pháp công nghệ thông tin nhằm cải tiến rút ngắn thời gian khám chữa bệnh để tăng cường hiệu quả quản lý. Người bệnh khám theo đúng số thứ tự hiển thị trên màn hình, có hệ thống loa gọi tự động. Tổ chức phân luồng người bệnh vào các phòng khám giảm thiểu ùn tắc, giảm thời gian chờ đợi.

- Phát động đổi mới phong cách phục vụ chuyên nghiệp trong đội ngũ nhân viên y tế toàn ngành, cam kết thực hiện quy tắc ứng xử với người bệnh.

- Tất cả các bệnh viện thành lập tổ quản lý chất lượng bệnh viện hoạt động liên tục, hàng tháng tổ chức kiểm tra toàn hệ thống, mỗi quý đều có tổ chức đánh giá trên phần mềm của Website Bộ Y tế.

- Phân công cụ thể các phòng ban quản lý chuyên trách...

- Thường xuyên đào tạo tập huấn về kỹ năng giao tiếp ứng xử, tập huấn thực hiện quy trình nghiệp vụ chuyên môn.

- Phòng Quản lý chất lượng: Khảo sát đánh giá định kỳ và đột xuất.

- Đào tạo kỹ năng mềm cho nhân viên: triển khai quy tắc 5 S, 4 L ...

- Tăng cường các hoạt động vệ sinh bệnh viện.

c/ Công tác quản lý chất lượng toàn diện:

- Tất cả các bệnh viện đều đã thành lập bộ phận Quản lý chất lượng từ tháng 12/2012.

- Thành lập Hội đồng Quản lý chất lượng cấp Bệnh viện từ năm 2013 gồm các thành viên:

- + Giám đốc là Chủ tịch Hội đồng Quản lý chất lượng Bệnh viện.

- + Thành lập mạng lưới QLCL tại tất cả các Khoa/Phòng/BV.

- Hội đồng Quản lý chất lượng Bệnh viện đều được cập nhật hệ thống tài liệu, các quy định hướng dẫn; In và ban hành các Quy trình kỹ thuật và phác đồ điều trị, chăm sóc chuẩn. Tổ chức kiểm tra Nội kiểm, ngoại kiểm ít nhất 1 lần/năm, tìm ra điểm không phù hợp để khắc phục, phòng ngừa.

- Tổ chức thu nhận thông tin từ các Hộp thư góp ý, từ cuộc gọi đường dây nóng, từ các phiếu thăm dò ý kiến khách hàng để tổng hợp và cải tiến chất lượng tại giao ban toàn bệnh viện hàng tháng.

d) Kết quả kiểm tra chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập năm 2019

Hàng năm, Sở Y tế tổ chức đoàn kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện, Kết quả kiểm tra chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập năm 2019 tại Phụ lục 3.

e) Quy trình và thực hiện lấy ý kiến đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công lập

Sở Y tế đã triển khai khảo sát sự hài lòng người bệnh nội trú và ngoại trú đối với việc phục vụ khám chữa bệnh ở các bệnh viện, Trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh từ năm 2016 và thu được một số kết quả khả quan. Điều này đã từng bước tạo ra những chuyển biến tích cực trong tư duy, tinh thần, thái độ phục vụ của cán bộ y tế nói riêng, cũng như chất lượng phục vụ khám, chữa bệnh của các bệnh viện, Trung tâm y tế nói chung.

Đến nay, các cơ sở khám chữa bệnh trên toàn tỉnh đã tích cực triển khai thường xuyên việc khảo sát sự hài lòng người bệnh và nhân viên y tế ít nhất 1 lần/tháng, góp phần quan trọng trong việc cải thiện và nâng cao chất lượng bệnh viện.

Hàng năm, Sở Y tế tổ chức đoàn kiểm tra đánh giá chất lượng bệnh viện, đồng thời cũng đánh giá, phúc tra việc khảo sát sự hài lòng người bệnh và nhân viên y tế của các bệnh viện, trung tâm y tế trên địa bàn tỉnh, kết quả như sau:

- Tỷ lệ hài lòng chung của người dân với dịch vụ khám chữa bệnh là 78,09%, cụ thể như sau:

1. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh nội trú:
 - Tổng điểm TB người dùng chọn: 4,099
 - Tỷ lệ hài lòng chung: 76,73%
2. Tỷ lệ hài lòng của người bệnh ngoại trú
 - Tổng điểm TB người dùng chọn: 4,168
 - Tỷ lệ hài lòng chung: 79,46%
3. Tỷ lệ hài lòng của nhân viên y tế
 - Tổng điểm TB người dùng chọn: 3,419
 - Tỷ lệ hài lòng chung: 42,79%
4. Tỷ lệ hài lòng của người mẹ sinh con tại bệnh viện
 - Tổng điểm TB người dùng chọn: 4,315
 - Tỷ lệ hài lòng chung: 95,45%

f) Đánh giá:

Ở các nước tiên tiến đã có một số bộ tiêu chuẩn chất lượng do các tổ chức quốc tế, quốc gia khác nhau xây dựng nhưng chưa có bộ tiêu chuẩn chất lượng nào phù hợp với tất cả các quốc gia. Ngày 3/12/2013, Bộ trưởng Bộ Y tế đã ban

hành thí điểm Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện theo Quyết định số 4858/QĐ-BYT. Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện này có 5 phần với 83 tiêu chí, hơn 1.500 tiêu mục, được ban hành nhằm mục tiêu khuyến khích, định hướng và thúc đẩy các bệnh viện cả công lập và ngoài công lập tiến hành các hoạt động cải tiến và nâng cao chất lượng nhằm cung cấp dịch vụ y tế an toàn, chất lượng, hiệu quả.

Từ năm 2013 đến nay, Sở Y tế đã triển khai đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ tiêu chí đánh giá chất lượng bệnh viện được ban hành theo Quyết định 4858/QĐ-BYT ngày 3/12/2013 của Bộ Y tế đối các đơn vị điều trị trong toàn tỉnh.

Kết quả cho thấy mức chất lượng ngày càng được các bệnh viện quan tâm cải tiến, tăng so với trước.

- Tuyên tỉnh: trong năm 2013 bệnh viện đa khoa tỉnh đạt **2.34/ 5.0** nhưng trong năm 2019 đã có sự tiến bộ khi đạt **3.29/5.0**

- Tuyên huyện thị: Với các BVĐK, có BVĐK huyện Bù Đốp năm 2013 đạt **2.06/5.0** năm 2019 đạt **3.09/5.0** ; BVĐK huyện Đồng Phú tuy năm 2013 đạt mức **1.94** thấp nhất nhưng năm 2019 đã đạt **3.17**. Các BVĐK tuyên huyện thị khác đều đạt cao hơn mức **3.0/5.0**.

TTYT Thị xã Phước Long đã đạt mức **3.77/5.0** là mức cao nhất toàn tỉnh.

g) Chất lượng dịch vụ tuyến xã:

Tổng số xã/phường/thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế xã năm 2019: 105/111 (đạt 94,6%), cụ thể:

- Đồng Xoài: 8/8 xã, phường, thị trấn
- Phước Long: 7/7 xã, phường, thị trấn
- Bình Long: 6/6 xã, phường, thị trấn
- Đồng Phú: 11/11 xã, thị trấn
- Bù Đốp: 7/7 xã, thị trấn
- Bù Đăng: 14/16 xã, thị trấn (còn 02 xã Đức Phong, Đăng Hà)
- Bù Gia Mập: 8/8 xã, thị trấn
- Chơn Thành: 9/9 xã, thị trấn
- Lộc Ninh: 15/16 xã, thị trấn (còn 01 TTr Lộc Ninh)
- Phú Riềng: 10/10 xã, thị trấn
- Hớn Quản: 13/13 xã, thị trấn

Năm 2020 đang hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh công nhận và công nhận lại cho 13 xã thuộc 4 huyện Lộc Ninh, Hớn Quản, Bù Đăng, Phú Riềng.

II. CÔNG TÁC KIỂM SOÁT THAM NHỮNG TRONG NGÀNH Y TẾ

Sở Y tế đã tiếp công dân 17 lượt với 5 vụ việc, không có đoàn đông người.

- Tổng số đơn tiếp nhận 9 đơn (4 đơn tố cáo, 5 đơn khiếu nại). Trong đó:

+ Số đơn đủ điều kiện xem xét, xử lý: 4 đơn (3 đơn tố cáo, 1 đơn khiếu nại),

+ Số đơn không đủ điều kiện xem xét, xử lý: 2 đơn khiếu nại,

+ Số đơn không thuộc thẩm quyền xử lý: 3 đơn (1 đơn tố cáo, 2 đơn khiếu nại).

- Kết quả xử lý: Đã giải quyết xong 4 đơn (3 đơn tố cáo, 1 đơn khiếu nại) theo thẩm quyền.

Công tác phòng chống tham nhũng đã được và tiếp tục quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; đã tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng trong phạm vi trách nhiệm của ngành y tế.

III. THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN:

1. Thuận lợi:

- Đường lối chính sách đúng đắn, sự chỉ đạo cụ thể các cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương trong tỉnh, sự kiểm tra giám sát thường xuyên của Bộ Y tế, chỉ đạo sâu sát của Sở Y tế, sự nỗ lực của toàn bộ hệ thống y tế và sự hưởng ứng của đa số nhân dân.

- Hệ thống mạng lưới, tổ chức về công tác khám chữa bệnh và dự phòng bao phủ từ tuyến tỉnh đến tuyến cơ sở.

- Đội ngũ cán bộ làm công tác y tế luôn được đào tạo, đào tạo lại để cập nhật các kiến thức mới.

- Được sự phối hợp tích cực của các cơ quan, đơn vị, ban ngành, đoàn thể có liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe.

- Trình độ dân trí của đại đa số người dân được nâng cao nên đã có ý thức tự chăm lo cho sức khỏe.

- Công tác truyền thông giáo dục sức khỏe trong cộng đồng ngày càng được chú trọng, nhiều hình thức tuyên truyền được áp dụng nên đã nâng cao trình độ hiểu biết về công tác chăm sóc sức khỏe.

2. Khó khăn:

- Trình độ nhận thức về nội dung, ý nghĩa tầm quan trọng về sức khỏe của người dân không đồng đều, có sự cách biệt về trình độ hiểu biết. Đồng thời các tập tục lạc hậu trong lối sống cũng như hành vi ứng xử cũng làm ảnh hưởng rất lớn khi có vấn đề về sức khỏe.

- Công tác truyền thông, tư vấn về khám chữa bệnh và dự phòng còn hạn chế về nội dung, hình thức, về đối tượng tham gia, kỹ năng tuyên truyền, về sản xuất tài liệu cũng như kinh phí đầu tư ...

- Thiếu cán bộ có tay nghề cao để thực hiện các dịch vụ chuyên sâu, trang thiết bị, phương tiện vật chất chưa được đầu tư đầy đủ.

- Việc đầu tư ngân sách cho lĩnh vực khám chữa bệnh chưa đáp ứng được nhu cầu ngày càng tăng của người dân về công tác chăm sóc sức khỏe.

IV. GIẢI PHÁP ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nâng cao chất lượng, hiệu quả khám bệnh, chữa bệnh và văn hóa ứng xử (y đức):

- Ngành y tế cũng đã tăng cường các biện pháp như thường xuyên nhắc nhở các đơn vị không ngừng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh; tạo điều kiện cho cán bộ y tế đặc biệt là lực lượng y bác sỹ tham gia các khóa học nâng cao trình độ chuyên môn; tham mưu UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết số 18/NQ – HĐND có chính sách đãi ngộ, thu hút nguồn nhân lực y tế về phục vụ tỉnh nhà. Tuy nhiên, để triển khai thực hiện Nghị quyết có hiệu quả, Ngành y tế cần UBND tỉnh và các Sở ngành liên quan như Sở Tài chính, Sở nội vụ,... hỗ trợ triển khai thực hiện Nghị quyết có hiệu quả nhằm thu hút và giữ chân lực lượng Bác sỹ đảm bảo công tác chăm lo sức khỏe cho người dân tỉnh nhà.

- Ngành y tế tích cực cải thiện văn hóa ứng xử của nhân viên y tế, tích cực tuyên truyền, tổ chức các hội thi nâng cao văn hóa ứng xử với đồng nghiệp, với người bệnh và người nhà người bệnh,... Tại các cơ sở khám chữa bệnh đều trang bị các hòm thư góp ý, mỗi quý bệnh viện triển khai khảo sát sự hài lòng của người bệnh và nhân viên y tế để kịp thời khắc phục, hoàn thiện thái độ cư xử của nhân viên y tế, lãnh đạo đơn vị.

2. Phát triển khoa học - công nghệ và thông tin y tế trong quản lý bệnh viện:

- Sở Y tế đang phối hợp với VNPT, Viettel triển khai các phần mềm quản lý thông tin y tế đến cấp xã, phường; Xây dựng phần mềm Bệnh án điện tử; Thí điểm triển khai mô hình bệnh viện thông minh trên địa bàn tỉnh Bình Phước; Triển khai hệ thống thu viện phí không dùng tiền mặt; Xây dựng CSDL ngành y tế; Phần mềm khám, chữa bệnh từ xa: (Do Cục CNTT – Bộ Y tế phát triển, Sở Y tế và các đơn vị là đơn vị sử dụng),...

- Tăng cường triển khai các phần mềm quản lý bệnh truyền nhiễm, phần mềm quản lý tiêm chủng, phần mềm phản ánh đường dây nóng,... giúp ngành y tế ngày càng nắm bắt thông tin kịp thời, đầy đủ và chính xác. Tuy nhiên, hiện nay có nhiều phần mềm quản lý y tế gây khó khăn trong công tác quản lý, cập nhật và quản lý thông tin. Sở Y tế đề nghị Sở Thông tin truyền thông, các đơn vị cung cấp phần mềm và Bộ Y tế tích hợp các phần mềm quản lý giúp nhân viên y tế giảm tải công việc nhập liệu, và các đơn vị tuyên trên dễ dàng quản lý, trích xuất dữ liệu, tận dụng các kết quả thống kê của ngành để xây dựng quy hoạch phát triển ngành hợp lý.

3. Đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế:

Đề nghị UBND tỉnh và các Sở ngành liên quan như Sở Tài chính, Sở Kế hoạch Đầu tư...tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa lĩnh vực y tế nhằm bổ sung, cập nhật trang thiết bị y tế hiện đại phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh ngày càng cao của người dân.

Trên đây là Báo cáo tham luận chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập trên địa bàn tỉnh của Sở Y tế.

Trân trọng!

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc Sở;
- Các phòng chức năng SYT;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV, (N15/11).

Phụ lục 1: Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân theo huyện

	TP Đồng Xoài	Huyện Hớn Quản	Huyện Bù Đǎng	Huyện Bù Đóp	TX Bình Long	Huyện Bù Gia Mập	Huyện Chơn Thành	Huyện Đồng Phú	TX Phước Long	Huyện Lộc Ninh	Huyện Phú Riềng
Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân	2.2	3.2	3.1	6.22	12.4	2.3	6.41	4.55	9.1	4.5	4.0

(Ghi chú: Tỷ lệ bác sỹ/vạn dân theo huyện được tính bằng tổng số bác sỹ tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập của 01 huyện/vạn dân).

Phụ lục 2: Số lượng kỹ thuật của các cơ sở y tế

ĐƠN VỊ	BV TỈNH	ĐÔNG PHÚ	BÙ ĐǎNG	PHƯỚC LONG	LỘC NINH	BÙ ĐÓP	BÌNH LONG	CHƠN THÀNH	HỚN QUẢN	BÙ GIA MẬP	ĐÔNG XOÀI	BYHCT
Số lượng danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt	9577	979	2146	2047	2.868	1245	2047	1552	1192	417	992	433
Tổng số danh mục kỹ thuật tại Thông tư 43/2013/TT-BYT	14998	4292	4292	4292	4292	4292	4292	4292	4292	4292	4292	4292
Tỷ lệ % danh mục kỹ thuật đã được phê duyệt so với Thông tư 43	63.9	22.8	50.0	47.7	69.8	29.0	47.7	36.2	27.8	9.7	23.1	10.1

Phụ lục 3: Kết quả kiểm tra chất lượng khám chữa bệnh tại các cơ sở khám, chữa bệnh công lập năm 2019

STT	Tên đơn vị	Kết quả khám chữa bệnh 2019						
		Số giường TK/KH	Công suất giường bệnh	Tổng số lượt khám bệnh	Tổng số lượt điều trị ngoại trú	Tổng số ngày điều trị nội trú	Tổng số tử vong	Tổng số phẫu thuật
1	BVĐK tỉnh Bình Phước	600/600	79,2	210.701	4.950	173.448	144	8.416
2	Trung tâm Y tế huyện Bù Đăng	150/150	52,4	199.877	1.719	28.689	10	458
3	Trung tâm Y tế thị xã Phước Long	210/210	78,4	120.343	4.713	60.094	1	142
4	Trung tâm Y tế huyện Lộc Ninh	170/170	78,4	115.143	4.713	48.647	13	569
5	Trung tâm Y tế thị xã Bình Long	270/270	77,1	179.766	5.213	75.982	26	246
6	Trung tâm Y tế huyện Đồng Phú	50/50	56,4	70.913	1.691	10.293	0	0
7	Trung tâm Y tế huyện Chơn Thành	120/120	71,5	141.544	955	31.317	0	0
8	Trung tâm Y tế huyện Bù Đốp	90/90	46,5	56.589	2.883	15.275	0	0
9	Trung tâm Y tế thành phố Đồng Xoài	70/70	24,9	51.865	2.220	6.362	0	0
10	Trung tâm Y tế huyện Hớn Quản	60/60	50,7	66.217	1.373	11.103	10	0
11	Trung tâm Y tế huyện Bù Gia Mập	50/50	16,05	23.758	799	2.929	0	0

BẢNG ĐIỂM ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG NĂM 2019

(theo thang điểm tối đa là 5.0)

ST T	Tên cơ sở khám chữa bệnh	Hạng	A. Hướng đến người bệnh		B. Phát triển nguồn nhân lực		C. Hoạt động chuyên môn		D. Hoạt động cải tiến chất lượng		E. Tiêu chí đặc thù chuyên khoa		ĐIỂM TRUNG BÌNH CHUNG	
			NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018	NĂM 2019	NĂM 2018	NĂM 2019
1	BỆNH VIỆN ĐA	Hạng II	3.53	3.58	3.5	3.07	3.37	3.34	2.82	3.18	2.25	2.75	3.29	3.29

	KHOA TỈNH BÌNH PHƯỚC C														
2	TRUN G TÂM Y TẾ THỊ XÃ PHƯỚC C LONG	Hạng III	3.79	4.05	2.93	3.57	3.69	3.83	3.27	3.45	3.5	3.75	3.5	3.77	
3	TRUN G TÂM Y TẾ HUYỆ N LỘC NINH	Hạng III	3.53	3.63	3.07	3.14	3.06	3.06	2.82	2.64	2.0	2.0	3.15	3.18	
4	TRUN G TÂM Y TẾ THỊ XÃ ĐÔNG XOÀI	Hạng III	3.05	3.32	3.14	3.21	2.74	2.51	2.82	3.0	2.5	0.0	2.89	3.16	
5	TRUN G TÂM Y TẾ HUYỆ N ĐÔNG PHÚ	Hạng III	3.53	3.53	3.0	3.43	2.97	2.97	2.82	3.0	2.0	2.25	3.07	3.17	
6	TRUN G TÂM Y TẾ HUYỆ N CHƠN THÀNH	Hạng III	3.06	3.33	3.36	3.43	2.77	2.89	3.0	3.09	0.75	0.75	2.95	3.14	
7	TRUN G TÂM Y TẾ HUYỆ N BÙ ĐÓP	Hạng III	3.53	3.58	3.21	3.5	2.63	2.8	2.18	2.45	2.0	2.67	2.92	3.09	
8	TRUN G TÂM Y TẾ HUYỆ N BÙ ĐĂNG	Hạng III	3.83	3.58	3.79	4.07	3.23	3.34	4.09	4.18	2.75	3.0	3.54	3.64	

9	TRUNG TÂM Y TẾ THỊ XÃ BÌNH LONG	Hạng III	3.05	3.22	3.5	3.86	2.94	2.97	3.18	3.45	2.75	3.0	3.1	3.22
10	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HỐN QUẢN	Hạng III	3.53	3.47	2.71	2.5	2.49	2.89	2.27	2.27	2.33	2.0	2.73	2.91
11	BỆNH VIỆN Y HỌC CỔ TRUYỀN TỈNH BÌNH PHƯỚC	Hạng III	3.26	3.39	2.43	2.14	2.51	2.43	2.09	2.55			2.68	2.6
12	TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN BÙ GIA MẬP	Hạng IV	2.71	2.5	3.2	3.0	2.27	2.27	2.33	2.49	2.89	2.94	2.41	2.68

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo số 2745/SYT – BC ngày 24/12/2020 của Sở Y tế về việc báo cáo kết quả kiểm tra, đánh giá Chất lượng Bệnh viện tỉnh Bình Phước năm 2019.
2. Báo cáo số 102/BC – SYT ngày 11/2/2014 của Sở Y tế về việc báo cáo kết quả kiểm tra hoạt động y tế tỉnh Bình Phước năm 2013